

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

LÊ THÀNH ĐÔNG

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN
BẮC TRUNG BỘ VIỆT NAM

Ngành đào tạo: KINH TẾ ĐẦU TƯ
Mã số: 9310104

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI, NĂM 2025

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH. NGUYỄN MẠI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án
cấp Đại học Kinh tế Quốc dân

Vào hồi: ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Đại học Kinh tế Quốc dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bắc Trung Bộ bao gồm 06 tỉnh gồm Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hoá và Thừa Thiên Huế, là địa bàn có tầm quan trọng về kinh tế - xã hội (KT-XH), chính trị và an ninh, quốc phòng (ANQP), có vị trí chiến lược trong quy hoạch kinh tế biển (KTB) của Việt Nam. Khu vực Bắc Trung Bộ sở hữu 6/18 khu kinh tế ven biển (KKTVB) của cả nước, với cơ sở hạ tầng (CSHT) KT-XH được đầu tư phát triển và hoàn thiện, đã tạo điều kiện giúp các KKTVB của vùng thời gian qua thu hút lượng lớn vốn đầu tư phát triển CSHT và sản xuất, kinh doanh trong khu kinh tế (KKT). Đây là tiền đề quan trọng giúp các địa phương Bắc Trung Bộ đảm bảo được những cân đối lớn của nền kinh tế, cơ cấu lại tỷ trọng các ngành công nghiệp một cách hợp lý, thúc đẩy tăng trưởng KT-XH và tạo ra tác động tích cực, kích thích sự phát triển của các khu vực lân cận.

Tuy nhiên, nếu đánh giá một cách khách quan thì sự phát triển của các KKTVB Bắc Trung Bộ hiện chưa xứng với lợi thế và tiềm năng vốn có. Phần đa các dự án trong các KKTVB Bắc Trung Bộ có quy mô nhỏ, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) của khu vực còn thấp và cơ cấu các ngành, lĩnh vực KTB tại một số địa phương chưa phù hợp.

Mặc dù thể chế phát triển KKTVB của Việt Nam gần đây liên tục được đổi mới, hoàn thiện trên cơ sở phát huy tư duy hệ thống, quản lý biển dựa trên hệ sinh thái, nhưng ở cấp độ địa phương, quản lý nhà nước (QLNN) đối với KKTVB vẫn còn nhiều hạn chế; các tỉnh trong vùng chưa áp dụng mạnh mẽ các công nghệ điều hành, quản lý thông minh, hiện đại.

Việc xây dựng các KKTVB với vị trí địa lý khá gần nhau, trong khi sự tương đồng về quy hoạch phân khu khá cao, các quy hoạch KKTVB giữa các tỉnh thiếu sự liên kết dẫn tới các KKTVB Bắc Trung Bộ không những không hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển, hình thành các chuỗi giá trị dựa trên sự phân công và chuyên môn hoá sản xuất mà còn cạnh tranh lẫn nhau, nhất là trong thu hút đầu tư.

Để nắm bắt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế, việc hoàn thiện QLNN đối với các KKTVB Bắc Trung Bộ là yêu cầu bức thiết, giúp đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu trong các KKTVB, giúp các KKT và nền kinh tế địa phương nhanh chóng đổi mới, nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới.

Vì vậy, việc lựa chọn đề tài: “**QLNN đối với các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ Việt Nam**” làm đề tài Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế đầu tư vừa có ý nghĩa

lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn nhằm hệ thống hóa khung lý thuyết QLNN đối với các KKTVB vùng Bắc Trung Bộ, xây dựng các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với các KKTVB ở Bắc Trung Bộ, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư chất lượng, có hàm lượng KHCN cao, các dự án động lực, góp phần thúc đẩy KT-XH của các tỉnh Bắc Trung Bộ phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá hoạt động QLNN và các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với các KKTVB Bắc Trung Bộ nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với KKTVB Bắc Trung Bộ theo hướng bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các nghiên cứu liên quan tới phát triển KTB, QLNN đối với KKTVB, từ đó xây dựng khung lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn trong QLNN đối với KKTVB ở các địa phương

- Tổng quan các nghiên cứu liên quan tới phát triển KTB, khu kinh tế và KKTVB, QLNN đối với các KKTVB, đánh giá chung và chỉ ra khoảng trống nghiên cứu của đề tài luận án.

- Xây dựng khung lý thuyết và tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn về QLNN đối với KKTVB.

- Phân tích thực trạng QLNN đối với KKTVB thông qua các số liệu sơ cấp và thứ cấp, kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với KKTVB, từ đó rút ra những nhận định về hoạt động QLNN đối với KKTVB.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN của chính quyền cấp tỉnh KKTVB vùng Bắc Trung Bộ theo hướng đổi mới, sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển KT-XH của từng địa phương và của toàn vùng theo hướng bền vững, xanh, sạch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là QLNN của chính quyền (UBND tỉnh) các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ đối với các KKTVB và các nhân tố ảnh hưởng, dưới góc độ chuyên ngành Kinh tế đầu tư.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu QLNN của chính quyền các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ đối với các KKTVB, ở 3 khía cạnh: Lập quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển các KKTVB; Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KKTVB; Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện QLNN đối với KKTVB. Đồng thời

nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc QLNN đối với các KKTVB như: Cơ chế, chính sách của chính quyền trung ương; Bộ máy QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB; Điều kiện KT-XH của địa phương; Năng lực đội ngũ cán bộ QLNN đối với KKTVB; Cơ chế, chính sách của chính quyền các tỉnh lân cận đối với KKTVB và Vị trí địa lý của KKTVB.

Về không gian: Luận án nghiên cứu tại sáu tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ, gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu trong giai đoạn 2018-2022, giải pháp đề xuất cho giai đoạn 2024 -2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Đóng góp mới của luận án

Luận án đã có một số đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

- Dưới góc nhìn chuyên ngành kinh tế đầu tư, luận án đã hoàn thiện khung lý luận về QLNN đối với KKTVB trên quan điểm “kiến tạo” và “phục vụ”; làm rõ các nội dung QLNN đối với KKTVB của chính quyền địa phương cũng như đề xuất các tiêu chí đánh giá và mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với KKTVB.

- Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với KKTVB, tiến hành thực nghiệm và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới QLNN đối với KKTVB Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2018 – 2022. Qua đó, xác định được được các nhóm nhân tố ảnh hưởng tới QLNN của chính quyền tỉnh đối với các KKTVB vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ mạnh đến yếu gồm: cơ chế, chính sách của chính quyền trung ương; Bộ máy QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB; Điều kiện KT-XH của địa phương; Năng lực đội ngũ cán bộ QLNN đối với KKTVB; Cơ chế, chính sách của chính quyền các tỉnh lân cận đối với KKTVB và vị trí địa lý của KKTVB. Từ đó đề xuất các nhóm giải pháp chung cho toàn vùng và giải pháp riêng cho từng UBND tỉnh nhằm hoàn thiện QLNN đối với KKTVB trong giai đoạn tiếp theo.

5. Kết cấu của luận án

Nội dung cơ bản của luận án được kết cấu thành 05 chương và 20 tiết:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan tới QLNN đối với các khu kinh tế ven biển

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Cơ sở lý luận và thực tiễn về QLNN đối với các khu kinh tế ven biển

Chương 4: Thực trạng QLNN đối với các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Chương 5: Định hướng, giải pháp nâng cao QLNN đối với các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN

1.1. Các nghiên cứu về kinh tế biển

Đề tài luận án tiến hành nghiên cứu tổng quan các tài liệu có liên quan tới chủ đề kinh tế biển, phát triển kinh tế biển, trong đó tập trung vào các nghiên cứu về xây dựng khung chính sách phát triển kinh tế biển, các nghiên cứu về giải pháp khả thi nhằm thực thi chính sách đối với kinh tế biển, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu KT-XH và bảo vệ các nguồn lợi dọc bờ biển, bảo vệ chất lượng nguồn nước đại dương và ven bờ, bảo vệ các nguồn lực của biển; kết nối giữa chính sách quốc gia với chính sách biển quốc tế... (Patcharee P. & cộng sự, 2017); Lê Thanh Sơn (2017).

1.2. Các nghiên cứu về khu kinh tế và khu kinh tế ven biển

Đề tài luận án tiến hành nghiên cứu tổng quan các khía cạnh liên quan tới khu kinh tế và khu kinh tế ven biển gồm: nghiên cứu bản chất, vai trò của KKT và KKTVB; nghiên cứu các mô hình phát triển KKT và KKTVB; nghiên cứu về phát triển KKT và phát triển KKTVB... (Hoàng Ngọc Phong, 2020); (Trần Thị Thu Hương, 2018); (Chan W. S., 2014); Farole T. & G. Akinci (2011); FIAS (2008); Farole, T. & G. Akinci (2011); Nguyễn Chu Hồi (2017), Laura Stone (2015).

1.3. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

Tổng quan nghiên cứu về QLNN đối với KKTVB tập trung vào các nghiên cứu: phân tích vai trò của chính quyền trung ương và địa phương trong quản lý các KKT, KKTVB; nghiên cứu các chính sách phát triển KKT và KKTVB; nghiên cứu các mô hình phát triển hạ tầng KKT và KKTVB; nghiên cứu về QLNN đối với KKTVB ở 3 nội dung chủ yếu là xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách đối với KKTVB, tổ chức thực hiện QLNN đối với KKTVB và kiểm tra, giám sát QLNN đối với KKTVB, các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với KKTVB... Trần Duy Đông (2010); Nguyễn Mại (2011); Chen, X. (2019); Eston E. & cộng sự (2019); OECD (2016), Nazzeri K. & cộng sự (2008); Patcharee P. & cộng sự (2017); Douglas Z. Z. (2015); Ye Tong Ming (2014); Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019); Nguyễn Hữu Khiếu (2016); Lê Hồng Giang (2019).

1.4. Đánh giá chung và khoảng trống nghiên cứu

1.4.1. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu

Có thể nhận thấy các công trình nghiên cứu đã tập trung vào những vấn đề chính sau:

- Các nghiên cứu đã khai thác các khía cạnh liên quan tới phát triển KTB và hải đảo, cũng như phát triển KKT và KKTVB.

- Các nghiên cứu đã làm rõ nội hàm các khái niệm liên quan tới KKT, KKTVB và QLNN đối với KKTVB, làm rõ các tiêu chí đánh giá và chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với KKTVB, từ đó giúp đưa ra cái nhìn khá toàn diện cho đề tài của luận án.

1.4.2. Khoảng trống nghiên cứu của luận án

Có thể nhận thấy các nghiên cứu đã nhìn nhận và khám phá các khía cạnh liên quan tới phát triển KKTVB và QLNN đối với KKTVB. Tuy nhiên, vẫn còn các khoảng trống nghiên cứu đối với đề tài luận án, cụ thể:

- Về không gian: Tuy đã có một số nghiên cứu về các KKTVB ở khu vực Bắc Trung Bộ, nhưng hầu hết chỉ tiến hành nghiên cứu riêng lẻ từng KKTVB, chưa đặt các KKTVB trong sự so sánh, và mối liên hệ tương hỗ trong phát triển KT-XH chung của địa phương, giữa các địa phương và toàn vùng, liên vùng.

- Về thời gian, các nghiên cứu về KKTVB và KKTVB thuộc khu vực Bắc Trung Bộ phần lớn đều được thực hiện trước năm 2015, do vậy tính cập nhật không đảm bảo.

- Về nội dung, các nghiên cứu trước đó đã thực hiện tập trung phân tích khái niệm, vai trò và nội dung QLNN đối với KKTVB tuy nhiên nội dung phân tích chưa mang tính hệ thống, chưa phân tích dưới góc độ chuyên ngành kinh tế đầu tư, chưa gắn với các KKTVB khu vực Bắc Trung Bộ và chưa đánh giá hoạt động QLNN trên góc độ liên kết vùng trong phát triển KKTVB. Chưa có nhiều nghiên cứu thực hiện đánh giá kiểm định độ tin cậy trên cơ sở thu thập đảm bảo số liệu thứ cấp. Các nghiên cứu về QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với các KKTVB chủ yếu được tiến hành riêng lẻ; chưa có nhiều những giải pháp điều hành, quản lý theo hướng thông minh, hiện đại, ứng dụng công nghệ số.

Đây là những khoảng trống nghiên cứu mà luận án hướng tới.

1.4.3. Những vấn đề mà luận án dự kiến giải quyết

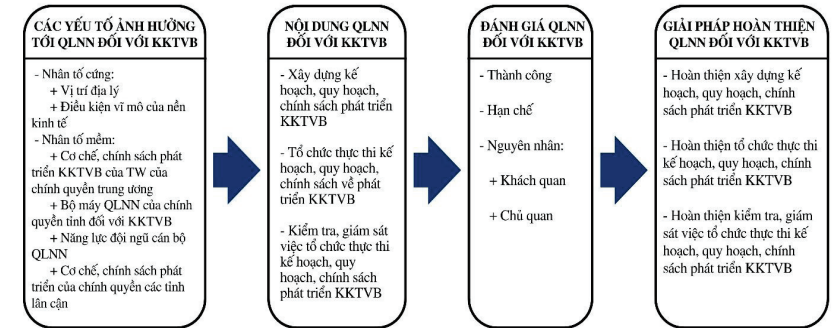
Thứ nhất, tiếp tục bổ sung, làm rõ lý luận về phát triển KKTVB theo quan điểm chuyên ngành kinh tế đầu tư; làm rõ QLNN đối với phát triển KKTVB, các tiêu chí đánh giá QLNN đối với KKTVB theo quan điểm “kiến tạo” và “phục vụ”.

Thứ hai, phân tích thực trạng, tìm ra các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của chúng lên QLNN đối với KKTVB, từ đó đánh giá toàn diện hoạt động QLNN, chỉ rõ thành công, hạn chế và nguyên nhân.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác QLNN đối với KKTVB các tỉnh Bắc Trung Bộ trong thời gian tiếp theo.

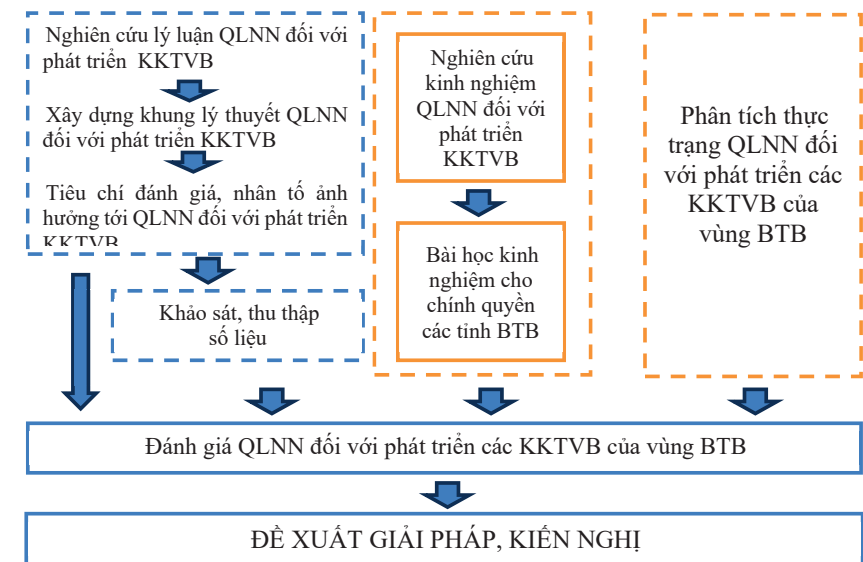
CHƯƠNG 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khung phân tích của đề tài luận án



Hình 2.1. Khung phân tích của luận án

2.2. Quy trình nghiên cứu



Hình 2.2. Quy trình nghiên cứu của luận án

2.3. Xây dựng mô hình đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

Mô hình lý thuyết có dạng:

$$QLNN = \beta_0 + \beta_1\Delta L + \beta_2KTXH + \beta_3CSTW + \beta_4CSLC + \beta_5BM + \beta_6NLĐN$$

Đề tài luận án sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS để kiểm định mô hình, chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trên tới QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp tiếp cận

Cách tiếp cận của luận án đối với đề tài nghiên cứu là tiếp cận hệ thống và tiếp cận bộ phận.

2.2.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

2.2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

2.2.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

Luận án thực hiện điều tra xã hội học nhằm thu thập dữ liệu sơ cấp. Việc điều tra tiến hành nhằm mục đích thu thập số liệu đánh giá QLNN đối với KKTVB cũng như đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới QLNN đối với KKTVB.

2.2.2.3. Phương pháp thu thập xử lý số liệu, dữ liệu

Thứ nhất, phương pháp xử lý số liệu, dữ liệu thứ cấp được sử dụng gồm phương pháp tổng hợp phân tích; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp khái quát hoá và trừu tượng hoá; phương pháp diễn giải và quy nạp.

Thứ hai, phương pháp xử lý số liệu sơ cấp

Sau khi tiến hành lọc số liệu, mã hoá, nhập liệu vào phần mềm SPSS 20, đề tài luận án thực hiện theo các bước tuần tự, gồm: thống kê mô tả mẫu nghiên cứu; kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá EFA; phân tích tương quan Pearson Correlation; kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính OLS.

CHƯƠNG 3 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN

3.1. Tổng quan về khu kinh tế ven biển

3.1.1. Khái niệm khu kinh tế và khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, khái niệm khu kinh tế

Theo Ma Đức Hân (2022), “KKT là khu vực có ranh giới địa lý xác định được thành lập theo quyết định của Chính phủ, ở những nơi có điều kiện thuận lợi trong sản xuất, trao đổi thương mại; là khu vực được hưởng các chính sách ưu đãi đặc thù nhằm thu hút vốn đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ; phát triển KT-XH và củng cố ANQP; đóng vai trò quan trọng trong phát triển vùng và gắn liền kết vùng kinh tế.”. Trong phạm vi luận án, tác giả đồng ý với khái niệm của Ma Đức Hân và sử dụng khái niệm đó để luận giải những vấn đề liên quan.

Thứ hai, khái niệm khu kinh tế ven biển

Theo Ma Đức Hân (2022), “KKTVB là một loại hình KKT nằm trên khu vực biên giới trên biển, được thành lập ở khu vực có vị trí địa lý thuận lợi ven biển; hưởng những chính sách ưu đãi đặc thù và được tổ chức thành các khu chức năng nhằm thu hút vốn đầu tư, phát triển KT-XH và củng cố ANQP; đóng vai trò quan trọng trong phát triển vùng và liên kết vùng kinh tế”. Khái niệm này đã kế thừa và phát triển được các quan niệm kể trên về KKTVB. Trong phạm vi luận án, tác giả cũng đồng tình với quan niệm của Ma Đức Hân về KKTVB.

3.1.2. Điều kiện hình thành và phát triển khu kinh tế ven biển

Để xây dựng KKTVB cần đáp ứng các tiêu chí về vị trí địa lý, quy mô KKTVB; khả năng sở hữu các lợi thế đặc biệt, nhằm thu hút các doanh nghiệp có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sự chuyên môn hóa vào đầu tư trong KKTVB; cơ chế, chính sách QLNN đối với KKTVB linh hoạt, nhiều ưu đãi

3.1.3. Vai trò của khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, việc xây dựng và phát triển các KKTVB giúp địa phương và quốc gia khai thác các lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế gắn với biển

Thứ hai, KKTVB giúp hình thành các khu vực kinh tế chuyên biệt, trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của địa phương, vùng và quốc gia.

Thứ ba, KKTVB thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất khẩu hàng hoá của địa phương, quốc gia

Thứ tư, KKTVB giúp thử nghiệm cơ chế chính sách đặc thù của địa phương và quốc gia

3.2. Quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế ven biển

3.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

QLNN đối với KKTVB cũng được hiểu là sự tác động có tổ chức của cơ quan QLNN đối với các hoạt động kinh tế diễn ra trong phạm vi KKTVB, nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế của địa phương, quốc gia, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế không chỉ trong KKTVB, mà còn của cả địa phương, quốc gia, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3.2.2. Nội dung quản lý nhà nước của chính quyền cấp tỉnh đối với khu kinh tế ven biển

3.2.2.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, xây dựng quy hoạch phát triển các KKTVB

Thứ hai, lập kế hoạch phát triển KKTVB

3.2.2.2. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế ven biển

Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB tuân theo quy trình gồm 03 giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Tiến hành phổ biến, tuyên truyền quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB

Giai đoạn 2: Thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB theo 5 bước

Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB và thực hiện các tinh chỉnh, điều chỉnh nếu cần thiết.

3.2.2.3. Kiểm tra, giám sát quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, kiểm tra tính hợp pháp của hoạt động QLNN đối với KKTVB của chính quyền địa phương.

Thứ hai, kiểm tra việc tuân thủ quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB của cơ quan QLNN và các nhà đầu tư trong KKT.

3.2.3. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh trong phát triển các khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, nhóm tiêu chí đánh giá sự phát triển của KKTVB, gồm: Các tiêu chí về vị trí hình thành KKTVB; Các tiêu chí đánh giá sự phát triển của KKTVB; Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư KKTVB (Tỷ lệ lấp đầy KKTVB; Suất vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KKTVB; Khối lượng vốn đầu tư thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng KKT; Tổng số dự án đăng ký đầu tư; Tổng số vốn đăng ký đầu tư; Tổng số vốn đầu tư thực hiện; Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư (%); Giá trị sản xuất công nghiệp/ vốn đầu tư).

Thứ hai, nhóm tiêu chí đánh giá QLNN đối với KKTVB gồm các tiêu chí đánh giá hoạt động xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KKTVB; đánh giá

việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KKTVB; đánh giá hoạt động thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong phát triển các KKTVB

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

3.3.1. Nhóm nhân tố cứng

Một là, lợi thế về vị trí địa lý.

Hai là, điều kiện kinh tế vĩ mô của địa phương

3.3.2. Nhóm nhân tố mềm

Một là, cơ chế, chính sách phát triển KKTVB của chính quyền trung ương

Hai là, cơ chế, chính sách phát triển KKTVB của các tỉnh lân cận trong khu vực

Ba là, bộ máy QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB

Bốn là, năng lực của đội ngũ công chức, viên chức Nhà nước trực tiếp thực hiện QLNN đối với KKTVB

3.4 Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển và bài học cho chính quyền các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ

3.4.1. Kinh nghiệm của các địa phương trong quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, kinh nghiệm trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB

Thứ hai, kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB

Thứ ba, kinh nghiệm trong kiểm tra, giám sát QLNN đối với KKTVB.

3.4.2. Bài học cho các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, QLNN đối với KKTVB không phải chỉ là nhiệm vụ, chức năng của chính quyền cấp tỉnh mà là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, dựa trên nguyên tắc “kiến tạo” và “phục vụ”, tạo ra lợi ích lớn nhất cho các bên có liên quan.

Thứ hai, công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB cần dựa trên cơ sở khoa học và tầm nhìn chiến lược, phù hợp với tổng thể. Cần hướng tới ưu tiên phát triển các ngành kinh tế mà địa phương có lợi thế, có tiềm năng lan tỏa, liên kết.

Thứ ba, cần coi trọng công tác xây dựng chương trình, dự án mục tiêu, thu hút đầu tư để phát triển KKTVB. Cần tập trung tạo ra nền tảng cơ bản, cơ sở hạ tầng KT-XH cần thiết để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các KKTVB.

Thứ tư, chú trọng cải cách TTHC, mạnh dạn ứng dụng công nghệ điều hành, quản lý hiện đại trên quan điểm “kiến tạo” và “phục vụ”.

CHƯƠNG 4

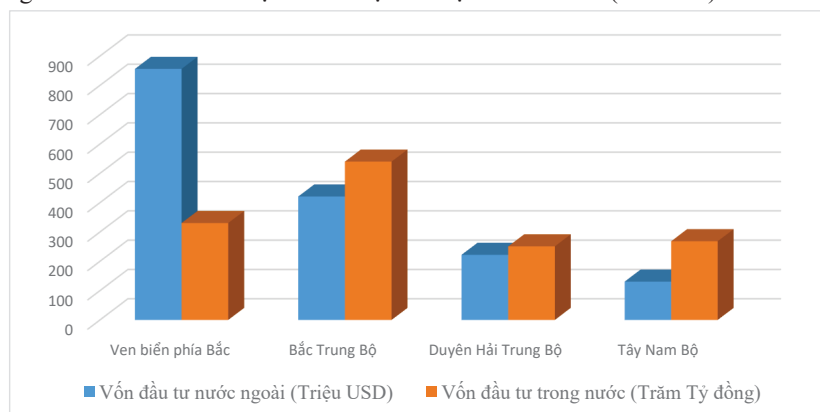
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN BẮC TRUNG BỘ

4.1. Tổng quan về vùng Bắc Trung Bộ

4.1.1. Tình hình kinh tế xã hội vùng Bắc Trung Bộ

4.1.2. Tổng quan về các khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

Bắc Trung Bộ sở hữu 6 trong số 18 KKTVB của cả nước, với mật độ 1 KKTVB/ 1 tỉnh. Đây là khu vực có mật độ sở hữu KKTVB cao nhất cả nước, với 02 KKTVB được chính phủ xếp vào loại ưu tiên phát triển là KKTVB Nghi Sơn và KKTVB Vũng Áng. Trong năm 2022, dù sau đại dịch covid-19 các KKTVB Bắc Trung Bộ nằm trong khu vực phát triển năng động, với khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước lớn so với một số khu vực còn lại của cả nước (Hình 4.1).



Hình 4.1. So sánh khả năng thu hút vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh trong KKTVB của khu vực Bắc Trung Bộ so với cả nước năm 2022

Nguồn: Vụ Quản lý các KKT, Bộ KHĐT, 2022

Tỷ lệ lấp đầy các KKTVB trong vùng thuộc mức trung bình, có 3 KKTVB đạt tỷ lệ lấp đầy cao trên 50% là: Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An và Vũng Áng Hà Tĩnh.

4.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

4.2.1. Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển

4.2.1.1. Lập quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển

Trên cơ sở chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam đã xây dựng quy hoạch các KKTVB Bắc Trung Bộ dựa trên quan điểm cơ bản:

Thứ nhất, coi phát triển kinh tế ven biển, xây dựng các đô thị ven biển trở thành trung tâm KTB.

Thứ hai, việc quy hoạch không gian các KKTVB cần phù hợp và có khả năng thích ứng với từng giai đoạn phát triển mới của địa phương, của vùng.

Thứ ba, việc quy hoạch các phân khu chức năng của KKTVB cần giúp khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của KKT và địa phương.

Căn cứ trên các quan điểm đó, quy hoạch phát triển KKTVB khu vực Bắc Trung Bộ đã được xây dựng và điều chỉnh theo hướng sau:

Thứ nhất, phát triển quy hoạch các KKTVB gắn với xây dựng các đô thị ven biển khu vực Bắc Trung Bộ trở thành hành lang kinh tế hướng ra biển.

Thứ hai, quy hoạch và mở rộng không gian các KKTVB của vùng thích ứng với định hướng phát triển và các giai đoạn phát triển của địa phương, vùng, quốc gia; tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế; hình thành mô hình “cảng - đô thị - biển”.

Thứ ba, từng bước hình thành liên kết trong xây dựng quy hoạch giữa các tỉnh trong khu vực Bắc Trung Bộ

4.2.1.2. Xây dựng kế hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch huy động và phân bổ vốn đầu tư

Thứ hai, xây dựng kế hoạch phát triển CSHT kinh tế - kỹ thuật và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn trong KKTVB theo hướng đảm bảo cân bằng giữa lợi ích KT-XH và môi trường, kiểm chế tối đa mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng.

Thứ ba, tổ chức xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội

Thứ tư, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện các thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp đầu tư sơ cấp và thứ cấp trong KKTVB

4.2.2. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

4.2.2.1. Thực hiện phổ biến, tuyên truyền quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB

Giai đoạn 2018 – 2022, để phổ biến, tuyên truyền cho các đối tượng liên quan về cơ chế, chính sách, pháp luật nói chung về phát triển KTB và quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB, chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng. Nhờ vậy, quy hoạch phát triển KKTVB Bắc Trung Bộ đã được công khai rộng rãi tới các đối tượng có liên quan gồm các doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài KKTVB, người dân, người lao động trong các KKT.

4.2.2.2. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ

4.2.2.2.1. Thực hiện quy hoạch phát triển KKTVB các tỉnh Bắc Trung Bộ

Căn cứ trên quy hoạch đã được phê duyệt, chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ đã thực hiện triển khai quy hoạch phát triển KKTVB như sau:

Thứ nhất, phát triển quy hoạch các KKTVB gắn với xây dựng các đô thị ven biển trở thành hành lang kinh tế hướng ra biển, gồm: Thành phố Sầm Sơn - Thanh Hóa, Thị xã Cửa Lò - Nghệ An, thành phố Hà Tĩnh và thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh, thành phố Đông Hà - Quảng Trị, thành phố Đồng Hới - Quảng Bình, thành phố Huế - Thừa Thiên Huế... với định hướng trở thành trung tâm du lịch, dịch vụ, giao lưu quốc tế, trung tâm khoa học công nghệ, giáo dục cung cấp lao động trình độ cao của toàn vùng.

Thứ hai, các tỉnh trong vùng tập trung thực hiện quy hoạch và mở rộng không gian các KKTVB thích ứng với định hướng phát triển và các giai đoạn phát triển của địa phương, vùng, quốc gia; quá trình này đã tạo điều kiện cho các địa phương trong vùng chuyển dịch mạnh cơ cấu nền kinh tế sang các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại... Đồng thời, từng bước xây dựng các trung tâm công nghiệp lớn của khu vực và quốc gia như: Khu liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn, khu liên hợp gang thép Formosa, trung tâm nhiệt điện ở Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, trung tâm sản xuất pin điện tại Vũng Áng Hà Tĩnh... Từ đó hình thành mô hình “cảng - đô thị - biển”, góp phần phát triển KT-XH và thúc đẩy hoạt động liên kết giữa các doanh nghiệp trong khu vực với các doanh nghiệp bên ngoài.

Thứ ba, việc thực hiện liên kết trong xây dựng quy hoạch giữa các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ bước đầu được hình thành nhưng chủ yếu đang là liên kết quy hoạch giữa 2 hoặc 3 địa phương liền kề và tiếp giáp nhau

4.2.2.2.2. Thực hiện kế hoạch phát triển khu kinh tế ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, thực hiện kế hoạch thu hút vốn đầu tư vào KKTVB Bắc Trung Bộ

Đề thu hút vốn đầu tư vào các KKTVB, chính quyền các địa phương đã xây dựng các ưu tiên, ưu đãi dựa trên các quy định của Luật Đầu tư cũng như các Nghị định quy định về KCN, KCX và KKT của chính phủ cũng như các quy định pháp luật khác.

Trong nội dung kế hoạch thu hút vốn đầu tư, chính quyền các địa phương hướng vào hai nguồn vốn chính:

- Thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư hạ tầng có uy tín và tiềm lực nhằm phát triển hạ tầng KT-XH và môi trường trong KKT theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư thứ cấp bằng việc xây dựng danh mục các lĩnh vực và dự án ưu tiên đầu tư trong KKT, từ đó góp phần sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư thứ cấp có chất lượng, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, ưu tiên.

Bảng 4.8. Vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các KKTVB Bắc Trung Bộ giai đoạn 2018 - 2022

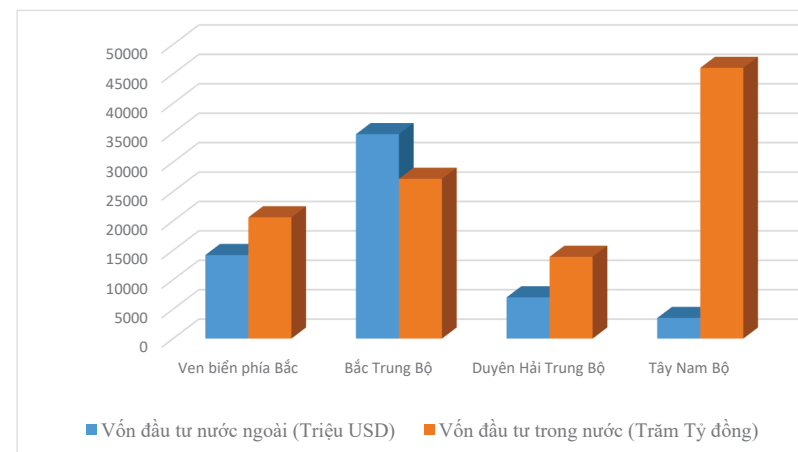
STT	Năm	Vốn đầu tư nước ngoài (Triệu USD)	Vốn đầu tư trong nước (Tỷ đồng)
1	2018	29.939,08	166.729,32
2	2019	30.333,90	262.638,60
3	2020	32.248,30	268.585,10
4	2021	33.052,98	269.300,80
5	2022	34.755,32	271.622,14

Nguồn: Vụ quản lý các KKT, Bộ KHĐT

Thứ hai, thực hiện kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, kinh tế, kỹ thuật trong các KKTVB

- Các KKTVB Bắc Trung Bộ cơ bản hoàn thiện hạ tầng giao thông trong và ngoài KKT, đang triển khai xây dựng các tuyến giao thông kết nối các KKTVB với các vùng kinh tế khác; đầu tư phát triển hệ thống cung ứng điện năng; xây dựng hệ thống cấp thoát nước; xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin, phát triển nguồn nhân lực, tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong các KKTVB.

- So với các khu vực khác trong cả nước, lượng vốn thu hút được của các KKTVB Bắc Trung Bộ khá ấn tượng. Nếu tính các dự án FDI, số vốn đầu tư CSHT của các dự án FDI vào các KKTVB Bắc Trung Bộ đứng thứ hai cả nước. Còn nếu tính số vốn đầu tư trong nước, tổng vốn đầu tư CSHT vào các KKTVB Bắc Trung Bộ đứng đầu cả nước. Đây được xem là nguồn vốn vô cùng quan trọng, giúp các KKTVB nhanh chóng hoàn thiện CSHT.



Hình 4.8. So sánh mức vốn đầu tư CSHT vào các KKTVB trên cả nước

Nguồn: Vụ quản lý các KKT, Bộ KHĐT, 2022

Thứ ba, triển khai kế hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội trong các khu kinh tế ven biển

(1) Đầu tư các công trình công cộng phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho dân cư, doanh nghiệp trong KKTVB.

(2) Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư.

Thứ tư, phát triển các dịch vụ hỗ trợ và thực hiện thủ tục hành chính trong các KKTVB Bắc Trung Bộ

Trong giai đoạn 2018 - 2022, chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ đã tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp, người dân trong KKTVB Bắc Trung Bộ, qua kết quả khảo sát cho thấy đánh giá của doanh nghiệp đối với khả năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sự phát triển KT-XH của chính quyền cấp tỉnh và ban quản lý KKTVB cho các doanh nghiệp phản ánh chính xác thứ bậc của các địa phương trong xếp hạng PCI và PAPI. Trong số 6 địa phương, thang điểm mà các doanh nghiệp đánh giá chính quyền các tỉnh thì UBND tỉnh Nghệ An là cao nhất, tiếp đến là tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh; điểm dành cho chính quyền các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế khá thấp ở hầu hết các tiêu chí.

4.2.3. Kiểm tra, giám sát quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển khu vực Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về KKTVB của các doanh nghiệp, người dân, người lao động trong các KKTVB; bao gồm kiểm tra sự phù hợp trong hoạt động xây dựng trong KKTVB với quy hoạch, kế hoạch đã đề ra; kiểm tra sự tuân thủ của các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực chủ yếu như lao động và môi trường.

Thứ hai, kiểm tra hoạt động QLNN của các cơ quan QLNN đối với KKTVB, tập trung vào kiểm tra chất lượng, tính phù hợp của các quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB, các văn bản hướng dẫn thi hành do chính quyền địa phương, BQL ban hành với chủ trương, kế hoạch phát triển KKTVB đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt; kiểm tra sự tuân thủ quy trình, kế hoạch phát triển KKTVB của các cơ quan QLNN đối với KKTVB.

4.3. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Từ mô hình lý thuyết đã phân tích trong mục 2.3, sau khi lọc sạch dữ liệu, nhập liệu vào phần mềm SPSS 20, tác giả tiến hành kiểm tra độ tin cậy Cronbach’s Alpha (bảng 4.23), cho thấy, tất cả các thang đo đều có độ tin cậy lớn hơn 0.811 (>0.8), tương quan biến tổng lớn hơn 0.503 (> 0.3). Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), các thang đo trong nghiên cứu đều đảm bảo yêu cầu của nghiên cứu định lượng.

Bảng 4.25. Bảng rút trích các nhân tố EFA
Rotated Component Matrix^a

	Component						
	1	2	3	4	5	6	7
QLNN2	.857						
QLNN1	.850						
QLNN3	.840						
QLNN4	.815						
DL3		.805					
DL2		.797					
DL4		.729					
DL1		.727					
DL5		.669					
CSLC1			.929				
CSLC2			.919				
CSLC3			.912				
BM3				.894			
BM2				.884			
BM1				.778			
NLDN3					.862		
NLDN1					.853		
NLDN2					.844		
KTXH1						.858	
KTXH2						.839	
KTXH3						.820	
CSTW2							.847
CSTW1							.829

Extraction Method: Principal Component Analysis.
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.
a. Rotation converged in 5 iterations.

Tiếp đó, tác giả tính giá trị trung bình của 7 biến, tạo các biến mới gồm DLtb; KTXHtb, CSTWtb, CSLCtb, BMtb, NLDNtb và QLNNtb, tiến hành phân tích tương quan Pearson. Kết quả cho thấy nhân tố phụ thuộc QLNNtb có mối quan hệ dương, cùng chiều với các nhân tố độc lập DLtb, KTXHtb, CSTWtb, CSLCtb, BMtb, NLDNtb với hệ số tương quan lần lượt là 0.160; 0.235; 0.543; 0.221; 0.431; 0.302. Hệ số Sig trong mỗi tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập đều nhỏ hơn 0.05, cho thấy các mối tương quan trên đều có ý nghĩa thống kê.

Tác giả tiếp tục tiến hành kiểm định OLS với mô hình đề xuất, và kết quả phân tích các hệ số hồi quy tuyến tính ở bảng 4.16 cho thấy Giá trị Sig. tổng thể của các nhân tố độc lập DLtb, KTXHtb, CSTWtb, CSLCtb, BMtb, NLDNtb đều nhỏ hơn 0.05, điều này chứng tỏ 06 nhân tố độc lập đều có tác động đến biến QLNNtb với mức ý nghĩa 5%.

Bảng ANOVA cho chúng ta kết quả kiểm định F để đánh giá giả thuyết sự phù hợp của mô hình hồi quy. Giá trị F = 22,489 và Sig. kiểm định F bằng 0,000 < 0,05 (tức nhỏ hơn 5%), do đó, kết quả mô hình hồi quy tuyến tính là phù hợp, tức là sự kết hợp của các nhân tố độc lập có trong mô hình có thể giải thích được sự thay đổi của nhân tố phụ thuộc, hay nói cách khác có ít nhất một nhân tố độc lập ảnh hưởng đến nhân tố phụ thuộc QLNNtb. Cùng với đó, chúng ta có thể kết luận R bình phương của tổng SPSS, AMOS, STATA, R thể khác 0 => Mô hình hồi quy tuyến tính có thể có thể suy rộng và áp dụng cho tổng thể.

Từ kết quả ở bảng Coefficient – Kiểm định, có thể viết phương trình hồi quy thể hiện mối quan hệ giữa các nhân tố theo hệ số chưa chuẩn hóa:

$$QLNNtb = -0,302 + 0,079*DLtb + 0,166*KTXHtb + 0,417*CSTWtb + 0,097*CSLCtb + 0,132*BMtb + 0,134*NLDNTB + e_i$$

Theo hệ số đã chuẩn hóa: SPSS, AMOS, STATA, R

$$QLNNtb = 0,053*DLtb + 0,135*KTXHtb + 0,415*CSTWtb + 0,107*CSLCtb + 0,200*BMtb + 0,118*NLDNTB + e_i$$

Qua đó có thể kết luận 06 nhân tố trong mô hình đều có ảnh hưởng tới QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB, mức độ tác động từ mạnh đến yếu lần lượt là:

(1) Cơ chế, chính sách của chính quyền trung ương; (2) Bộ máy QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB; (3) Điều kiện KT-XH của địa phương; (4) Năng lực đội ngũ cán bộ QLNN đối với KKTVB; (5) Cơ chế, chính sách của chính quyền các tỉnh lân cận đối với KKTVB và (6) vị trí địa lý của KKTVB.

4.4. Đánh giá chung về quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

4.4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, chất lượng của quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển KKTVB Bắc Trung Bộ đã giúp các KKT của khu vực đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Giai đoạn 2018 – 2022, cả 06 KKT đã thu hút được nhiều nhà đầu tư CSHT lớn và bước đầu hoàn thiện hạ tầng giao thông, hạ tầng cấp nước, hạ tầng thông tin trong các KKTVB.

Thứ hai, việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển KKTVB của các tỉnh Bắc Trung Bộ được thực hiện nghiêm túc, linh hoạt và có trách nhiệm.

Thứ ba, việc kiểm tra, giám sát hoạt động QLNN đối với KKTVB đã được chính quyền các tỉnh ngày càng quan tâm hơn thông qua chế độ báo cáo và kiểm tra chuyên

đề. Qua đó đã phát hiện được một số sai phạm trong QLNN đối với các KKTVB và đề xuất giải pháp khắc phục khá kịp thời.

4.4.2. Một số tồn tại, hạn chế

(1) Về lập quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển các KKTVB

- Mặc dù phát triển KKTVB nhằm thúc đẩy KTB của các địa phương và cả nước là chủ trương đúng đắn, nhưng việc triển khai xây dựng hàng loạt các KKT mà bỏ qua các tiêu chí quan trọng về khả năng duy trì lợi thế so sánh trong dài hạn và khả năng phát triển rõ ràng trong tương lai, xứng tầm của KKTVB ở Bắc Trung Bộ hiện nay đã khiến các KKTVB Bắc Trung Bộ phát triển không như kỳ vọng.

- Việc liên kết trong quy hoạch giữa các địa phương liên kề đã được quan tâm và thực hiện nhưng việc liên kết toàn vùng trong lựa chọn vị trí KKT, lựa chọn ngành và lĩnh vực ưu tiên phát triển, lựa chọn các phân khu chức năng và CSHT trọng yếu còn rất lỏng lẻo, thiếu cơ chế để xây dựng và chế tài tổ chức thực hiện, kiểm tra, đốc thúc các địa phương thực hiện cam kết về quy hoạch đó. Điều này dẫn tới việc quy hoạch các KKTVB Bắc Trung Bộ gần giống nhau, thiếu tính đột phá, nguy cơ tạo cạnh tranh nội vùng lẫn nhau trong thu hút vốn đầu tư và phát triển.

(2) Về tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KKTVB

- Việc phân cấp, phân quyền trong QLNN đối với KKTVB có những mặt chưa hợp lý.

- Mặc dù các KKTVB Bắc Trung Bộ đã thu hút được nguồn vốn lớn phát triển CSHT và nhiều dự án sản xuất, kinh doanh, nhưng mức độ thu hút của từng KKTVB không đồng đều.

- Các giải pháp của chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB còn khá bị động, rập khuôn và giống nhau, thường lấy ưu đãi tài chính làm cơ sở thu hút nhà đầu tư.

(3) Về kiểm tra, giám sát hoạt động QLNN đối với KKTVB

Hoạt động kiểm tra, giám sát đã được thực hiện định kỳ tuy nhiên nhiều thời điểm chưa kịp thời phát hiện và xử lý các vụ vi phạm pháp luật.

4.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

Có một số nhóm nguyên nhân sau: Từ vị trí địa lý của các KKTVB Bắc Trung Bộ; điều kiện kinh tế vĩ mô các tỉnh trong vùng còn nhiều khó khăn; bộ máy QLNN của chính quyền tỉnh đối với KKTVB vận hành chưa đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả, chưa rõ cơ chế chung toàn vùng; năng lực của đội ngũ công chức, viên chức Nhà nước trực tiếp thực hiện QLNN đối với KKTVB có những mặt còn hạn chế; mức độ hội nhập của kinh tế địa phương vào nền kinh tế quốc tế chưa sâu rộng.

CHƯƠNG 5
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC KHU KINH TẾ
VEN BIỂN BẮC TRUNG BỘ

5.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động tới quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

Số lượng các Hiệp định thương mại (FTA) song phương và đa phương cũng như xu thế bảo hộ ngày càng gia tăng dẫn tới việc tăng hoạt động đầu tư FDI để vượt qua rào cản; và khi đó, việc đầu tư vào các KKTVB với vị trí thuận lợi cho giao thương quốc tế và có nhiều ưu đãi đang là ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp FDI; cùng với đó là sự bùng nổ của CMCN 4.0; tuy nhiên, ngày càng nhiều quốc gia nhận thấy ưu điểm của phát triển KKTVB, do vậy sự cạnh tranh thu hút FDI giữa các KKTVB ngày càng trở nên gay gắt.

Tại Việt Nam, sự phát triển ồ ạt các KKTVB trong giai đoạn đầu dẫn tới sự cạnh tranh thiếu lành mạnh không chỉ giữa các vùng kinh tế mà còn giữa các KKT trong cùng một khu vực.

5.2. Định hướng quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, tổ chức bộ máy QLNN đối với KKTVB theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và tinh giản, chỉ nên duy trì 1 – 2 cấp quản lý, mạnh dạn áp dụng các quy trình, công nghệ quản lý mới, thông minh, hiện đại, hiệu quả cao.

Thứ hai, xác định cơ quan QLNN ở cấp tỉnh có thể vừa đóng vai trò là nhà quản lý vừa là chủ thể đầu tư, quản lý, khai thác và vận hành KKTVB.

Thứ ba, hoàn thiện quy hoạch xây dựng chung KKTVB theo hướng định hình mô hình KKTVB phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH và tiềm năng phát triển của KKTVB trong tương lai. Cần có sự liên kết vùng và liên vùng rõ nét, chặt chẽ trong quy hoạch xây dựng và phát triển các KKTVB.

Thứ tư, chú trọng tới tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển KKTVB nhằm hoàn thiện, đồng bộ và hiện đại hoá CSHT các KKT, tạo điều kiện thu hút các dự án có hàm lượng KHKT cao, có công nghệ hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số, thân thiện với môi trường và có sức lan toả tới nền kinh tế địa phương, khu vực và cả nước.

Thứ năm, trong xây dựng các chính sách phát triển KKTVB, cần sáng tạo trong khuôn khổ cho phép, các chính sách ưu tiên nhằm phát huy lợi thế so sánh tĩnh và động của từng KKTVB.

Thứ sáu, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát có hiệu quả QLNN đối với KKTVB để đảm bảo phát triển bền vững.

5.3. Mục tiêu QLNN đối với KKTVB Bắc Trung Bộ

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể

5.4. Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

5.4.1. Nhóm giải pháp chung

5.4.1.1. Tăng cường liên kết vùng, liên vùng trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, căn cứ trên nhu cầu của địa phương và vùng, đề xuất với chính quyền trung ương xây dựng cơ chế, chính sách liên kết vùng trong phát triển KT-XH nói chung, phát triển KTB và các KKTVB nói riêng.

Thứ hai, liên kết vùng Bắc Trung Bộ trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB hướng tới việc kiến tạo không gian kinh tế chung của khu vực Bắc Trung Bộ, cho phép tạo ra môi trường đầu tư và kinh doanh thông suốt, hiệu quả, đảm bảo sự tự do di chuyển của các yếu tố như vốn, công nghệ, nhân lực...

Thứ ba, thống nhất tư tưởng và nâng cao hiệu quả QLNN trong liên kết xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KKTVB vùng Bắc Trung Bộ

Thứ tư, căn định hướng của trung ương, cần hiệp thương và thống nhất về các nội dung liên kết như chủ trương, định hướng và nội hàm trong liên kết phát triển, xác định nguyên tắc cơ bản của liên kết, mô hình phát triển các KKTVB, các lĩnh vực ưu tiên phát triển, các lĩnh vực và dự án tạo động lực và khả năng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ của các địa phương.

Thứ năm, cần nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về quy hoạch chung, quy hoạch, kế hoạch phát triển các KKTVB trong vùng; cùng với đó là có cơ chế thống nhất để thực hiện cập nhật đầy đủ, chia sẻ thường xuyên.

5.4.1.2. Tăng cường liên kết vùng, liên vùng trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, cần xây dựng cơ chế liên kết, phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển các KKTVB trong vùng.

Thứ hai, chú trọng liên kết trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển CSHT các KKTVB của khu vực.

5.4.1.3. Hình thành các chuỗi giá trị giữa các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ với các vùng kinh tế trọng điểm khác của cả nước

Chính quyền các địa phương cần xác định đúng vai trò của từng UBND tỉnh trong việc thúc đẩy, hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị, tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu vùng.

5.4.1.4. Nâng cao chất lượng nhân lực toàn vùng

Cần nhanh chóng điều tra, khảo sát chất lượng nhân lực toàn vùng, nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, cách ngành kinh tế trong các KKTVB, từ đó dự báo chính xác số lượng, chất lượng, cơ cấu nhân lực cần thiết trong tương lai. Dựa trên nhu cầu và dự báo, chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ cần có kế hoạch liên kết trong đào tạo, phát triển nhân lực cho các KKTVB trong vùng.

5.4.2. Các giải pháp riêng cho các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

5.4.2.1. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng các KKTVB gắn với đó là công bố và tăng cường quản lý quy hoạch.

Thứ hai, tăng cường, chú trọng lựa chọn các đối tác tư vấn có kinh nghiệm, năng lực thực hiện điều tra khảo sát và thực hiện các sản phẩm quy hoạch, đảm bảo chất lượng quy hoạch trong dài hạn. Các giải pháp quy hoạch trong từng KKTVB riêng lẻ cần phù hợp với quy hoạch chung của cả vùng.

Thứ ba, xây dựng các tiêu chí rõ ràng, cụ thể nhằm đánh giá chất lượng quy hoạch và làm căn cứ để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch của các địa phương, tránh phá vỡ quy hoạch của địa phương, của vùng gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, cơ sở dữ liệu số để quản lý và giám sát các loại quy hoạch.

Thứ tư, cần lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong các giải pháp thực hiện quy hoạch phát triển KKTVB.

Thứ năm, cần xây dựng kế hoạch phát triển KKTVB chi tiết, sát với quy hoạch chung xây dựng đã phê duyệt.

5.4.2.2. Hoàn thiện chính sách phát triển các khu kinh tế ven biển

Thứ nhất, xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư

Thứ hai, xây dựng kế hoạch vốn và phương thức huy động vốn phù hợp với điều kiện và nhu cầu của từng KKTVB

Thứ ba, đẩy mạnh xây dựng các chính sách xúc tiến đầu tư

Thứ tư, hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh trong KKTVB

5.4.2.3. Hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển khu kinh tế ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ

5.4.2.3.1. Hoàn thiện việc thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng các khu kinh tế ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, giải pháp về xây dựng kế hoạch phát triển CSHT KT-XH

Thứ hai, giải pháp thu hút vốn đầu tư phát triển CSHT KT-XH các KKTB

5.4.2.3.2. Hoàn thiện việc tổ chức thực hiện phát triển các dịch vụ hỗ trợ trong khu kinh tế ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, cần kiện toàn tổ chức, bộ máy QLNN đối với các KKTB theo hướng tin gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chú trọng xây dựng bộ máy Ban quản lý các KKTB theo hướng chuyên nghiệp, phục vụ, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ; Áp dụng chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI định kỳ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN.

Thứ hai, thực hiện phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị liên quan trong thực hiện QLNN và phát triển KKTB phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, theo hướng “kiến tạo” và “phục vụ”.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng một cửa, giảm TTHC phiền hà, không cần thiết; hình thành cơ chế liên thông, một đầu mối.

Thứ tư, phát huy hiệu quả vai trò của Trung tâm đảm trách chức năng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư của tỉnh trong hỗ trợ, kêu gọi đầu tư, thu thập phản hồi của doanh nghiệp đối với các chính sách đầu tư của tỉnh.

Thứ năm, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

5.4.2.3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các doanh nghiệp đầu tư trong khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, cần xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các KKTVB phù hợp với định hướng phát triển của các KKT cũng như định hướng phát triển KT-XH của địa phương.

Thứ hai, xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người dân địa phương phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

Thứ ba, hình thành thị trường lao động liên tỉnh và liên khu vực, tạo sự thuận tiện trong di chuyển lao động giữa các địa phương.

Thứ tư, hỗ trợ phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm có chất lượng; định hướng xây dựng cơ chế phối hợp đào tạo, tuyển dụng lao động theo yêu cầu của các doanh nghiệp, chủ đầu tư.

Thứ năm, xây dựng các chuyên trang thông tin điện tử, xây dựng các nền tảng số nhằm kết nối và giới thiệu cơ hội việc làm và khả năng cung ứng lao động tại chỗ của các địa phương.

Thứ sáu, quan tâm phát triển hệ thống các tổ chức công đoàn, đoàn thể trong các KKTVB nhằm lắng nghe kịp thời các tâm tư nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ đầy đủ quyền lợi hợp pháp cho lao động làm việc trong KKTVB.

Thứ bảy, thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở đào tạo nghề, kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh phù hợp; nghiên cứu xây dựng các chính sách mới theo yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo nghề và nhu cầu lao động của doanh nghiệp.

5.4.2.3.4. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, UBND các tỉnh, các BQL các KKTVB cần hết sức chú trọng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát để đánh giá nghiêm túc, đầy đủ việc tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển các KKTVB, việc chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện chính sách của nhà nước và chính quyền địa phương.

Thứ hai, cần tăng cường giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư, để nhanh chóng phát hiện và kịp thời chấn chỉnh những vi phạm của doanh nghiệp trong đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh tại các KKTVB; hình thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của KKTVB.

Thứ ba, quan tâm hoàn thiện khung kiến trúc chính quyền số của các tỉnh, gắn với xây dựng đồng bộ kho dữ liệu lớn đảm bảo các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; tiến tới điều hành, quản lý và thực hiện việc kiểm tra giám sát tổng thể, thường xuyên thông qua các Trung tâm điều hành thông minh IOC.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

Trong chương 5, căn cứ trên thực trạng QLNN đối với các KKTVB khu vực Bắc Trung Bộ thời gian qua và những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế đã nêu trong chương 4, dựa trên bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế và quan điểm QLNN đối với KKTVB khu vực Bắc Trung Bộ thời gian tới; luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với KKTVB. Các giải pháp này được chia thành 2 nhóm là nhóm các giải pháp chung, chủ yếu dựa trên quan điểm liên kết vùng và quan điểm hệ thống trong phát triển các KKTVB Bắc Trung Bộ và các giải pháp riêng, phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của từng địa phương trong phát triển KTB và các KKTVB.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với chính phủ

Thứ nhất, cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển KKTVB, nhất là cơ chế, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trong KKT, theo hướng phân cấp, phân quyền cho UBND các tỉnh, từ đó cho phép UBND các tỉnh được linh hoạt hơn trong xây dựng các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, ứng dụng công nghệ, đầu tư hạ tầng KKT. Bên cạnh đó, cần có hướng dẫn cụ thể, kịp thời hơn đối với các văn bản pháp lý, quy hoạch KKT đã được duyệt.

Thứ hai, có cơ chế điều phối tổng thể, quản trị hiện đại để thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các địa phương, các vùng trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển KKTVB, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, phát huy lợi thế so sánh, đồng thời giúp các địa phương hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển KTB, phát triển các KKTVB theo chuỗi.

Thứ ba, tăng cường thanh, kiểm tra với cách thức, phương pháp phù hợp đối với các KKTVB nhất là các nội dung về tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển KKTVB như đánh giá tình hình huy động và phân bổ nguồn lực, tài nguyên của địa phương, hiệu quả sử dụng các nguồn lực và tài nguyên; việc thực hiện các mục tiêu phát triển KKTVB theo định hướng và quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Kết luận

Bắc Trung Bộ là khu vực có nhiều tiềm năng trong phát triển KTB với vị trí địa chính trị quan trọng, tài nguyên phong phú, đa dạng. Việc phát triển KTB, với trọng tâm là phát triển các KKTVB là hướng đi tất yếu, là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng KT-XH của địa phương ở nhiều mặt.

Thời gian qua, việc phát triển KKTVB của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ đã mang lại nhiều kết quả tích cực, làm thay đổi bộ mặt kinh tế của vùng, giúp hình thành nên những KKT, KCN lớn, thu hút vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài đã gia tăng tốc độ tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế của từng tỉnh và toàn vùng theo hướng hiện đại, nhiều ngành công nghiệp được phát triển như công nghiệp luyện thép, công nghiệp xây dựng, cảng biển và dịch vụ cảng biển, du lịch, dịch vụ.

Tuy nhiên, do những hạn chế về KT-XH, nguồn lực tài chính, nhân lực và công nghệ nên việc thu hút đầu tư và phát triển các KKTVB chưa đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế- xã hội như kỳ vọng.

Công tác QLNN đối với các KKTVB thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế tạo nên lực cản khiến cho các KKTVB vùng Bắc Trung Bộ chưa phát triển đúng với tiềm năng và lợi thế; một số KKT chưa tạo nên được tác động lan tỏa sâu rộng, động lực mạnh mẽ cho kinh tế địa phương và khu vực. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm ra giải pháp liên kết trong quản lý phát triển các KKTVB vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Qua thực tiễn khảo sát đánh giá QLNN đối với KKTVB và các nhân tố ảnh hưởng tới QLNN đối với KKTVB, luận án đã đề xuất hai nhóm giải pháp chung và riêng dành cho các KKTVB Bắc Trung Bộ, nhằm nắm bắt những thời cơ, chủ động đối phó với các thách thức mà bối cảnh trong nước, quốc tế đã, đang và sẽ đặt ra cho chính quyền các tỉnh Bắc Trung Bộ, nhằm phát triển hiệu quả KTB cũng như các KKTVB của khu vực.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

1. Lê Thành Đông (2016), ‘Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu công nghiệp, khu kinh tế và bài học cho Hà Tĩnh’, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số đặc biệt, tháng 11, năm 2016, trang 147-153.
2. Phạm Văn Hùng, Trần Thanh Long, Lê Thành Đông (2016), ‘Một số giải pháp về chính sách nhằm thu hút kiều hối cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Mối quan hệ giữa kiều hối và hoạt động đầu tư nước ngoài*, Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 9, năm 2016, trang 295-303.
3. Lê Thành Đông (2021), ‘Kinh nghiệm phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường đại học công lập ở các nước OECD’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đầu tư công và quản lý đầu tư công tại các trường đại học công lập tư chủ tại Việt Nam*, Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 6, năm 2021, trang 54-59.
4. Lê Thành Đông (2022), ‘Thực trạng khung thể chế đối với các khu kinh tế ven biển tại Việt Nam và giải pháp đề xuất’, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 2, tháng 4, năm 2022, trang 61-65.
5. Lê Thành Đông (2022), ‘Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng khung thể chế phát triển các khu kinh tế ven biển và bài học cho Việt Nam’, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, Số 4-2022, Hà Nội, tháng 4, năm 2022, trang 39-48.
6. Lê Thành Đông (2022), ‘Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ hiện nay: Thực trạng và giải pháp’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022: Ổn định kinh tế vĩ mô và lành mạnh tài chính trong bối cảnh đại dịch Covid-19*, Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 4, năm 2022, trang 743-758.